UBND XÃ VĂN HIẾN
TRƯỜNG THCS THƯỢNG SƠN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG[2]

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Thượng Sơn.
THUONGSON SECONDARY SCHOOL

2. Địa chỉ: Xóm Thượng Sơn 5, xã Văn Hiến, tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 0941175128,
Địa chỉ thư điện tử: c2thuongson.dl@nghean.edu.vn
Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:
https://thcsthuongson.doluong.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Giáo dục học sinh phát triển toàn diện, hình thành phẩm chất, năng lực và kỹ năng sống cơ bản, đáp ứng yêu cầu học tập và cuộc sống tại địa phương.
- Xây dựng nhà trường ổn định, chất lượng, thân thiện; là địa chỉ giáo dục tin cậy của nhân dân địa phương.
- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; duy trì và phát huy kết quả trường đạt chuẩn; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Thượng Sơn đóng trên địa bàn xóm 5 xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nay là Xóm Thượng Sơn 5, xã Văn Hiến, tỉnh Nghệ An. Thượng Sơn là một vùng thuần nông, nằm trên Quốc lộ 7B thuộc phía đông xã Văn Hiến. Diện tích tự nhiên 1578,4 ha. Dân số hơn 2.476 hộ với trên 9.354 nhân khẩu. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương vẫn còn gặp nhiều khó khăn song xã nhà luôn có truyền thống yêu nước, hiếu học, nhân dân cần cù chịu khó lao động. Từ sau năm 1986, thời kỳ đổi mới đến nay kinh tế Thượng Sơn có sự phát triển khởi sắc, nhiều hộ giàu và đã có doanh nghiệp tư nhân làm ăn giỏi, kinh doanh giỏi. Nhân dân rất quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục, cả 3 trường đều đạt chuẩn Quốc gia, trong đó trường THCS Thượng Sơn đạt chuẩn năm 2007. Liên tục nhiều năm qua cả 3 trường MN, TH và THCS đều đạt trường TTXS cấp tỉnh.

Trường THCS Thượng Sơn, tiền thân là trường cấp 2 Thượng Sơn được chính thức thành lập từ năm học 1966 - 1967 bằng việc tách ra từ trường cấp 2 Hiến Sơn với quy mô rất nhỏ chỉ 2 lớp: 1 lớp 5, 1 lớp 6 còn lớp 7 học tại Hiến Sơn.

Năm học 1968-1969, do quy hoạch của ngành, trường cấp 2 Thượng Sơn sát nhập vào Quang Sơn, mang tên Trường cấp 2 Quang -Thượng. Năm học 1970-1971, trường lại tách khỏi Quang Sơn sát nhập với Hiến Sơn thành cấp 2 Thượng Hiến.

Từ năm học 1971-1972 trường lại được tái lập riêng thành trường cấp 2 Thượng Sơn chuyển về học tại xóm 9 và xóm 13 xã Thượng Sơn.

Năm học 1972 - 1973 trường chuyển lên địa điểm Rú Rướng tức xóm 1 hiện

nay, trường được xây dựng khang trang có 4 dãy phòng học, mái lợp ngói.

Từ năm học 1975 - 1976 trường sát nhập hai cấp 1,2 thành trường phổ thông cơ sở Thượng Sơn.

Từ năm học 1991 - 1992 trường chia tách thành trường Tiểu học và THCS, trường THCS sáp nhập với Hiến Sơn thành trường THCS Hiến Thượng.

Từ năm học 1995 - 1996 trường lại tách riêng thành trường trung học cơ sở Thượng Sơn học tại Rú Rướng (xóm 1-Thượng Sơn).

Năm học 2001 - 2002 trường chuyển về địa điểm hiện nay (xóm 9 cũ tức xóm 5 mới xã Thượng Sơn) với một cơ sở khang trang bề thế ngay giữa trung tâm văn hóa xã nhà.

Năm học 2006 - 2007 trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia, đến năm học 2022 - 2023 trường công nhận tái chuẩn Quốc gia mức độ 1 và KĐCLGD mức độ 2. Nhiều năm liền được UBND huyện Đô Lương công nhận đạt Tập thể lao động xuất sắc cấp huyện, UBND tỉnh Nghệ An công nhận đạt Tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Tô Thị Tơ, Hiệu trưởng nhà trường.
Địa chỉ nơi làm việc: Xóm Thượng Sơn 5, xã Văn Hiến, tỉnh Nghệ An
Số điện thoại: 0335708972; Địa chỉ thư điện tử: tothuylinh832@gmail.com.
7. Tổ chức bộ máy:
a) Quyết định thành lập: *Bị thất lạc.*
b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng: QĐ số 773.QĐ/UB ngày 18 tháng 8 năm 2004
Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận phó hiệu trưởng: QĐ số 1678/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2017
8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: có ở trang wed của trường: https://thcsthuongson.doluong.edu.vn

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN[3]

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32		01	31				5	24		10	19		
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	27			27				6	21		8	19		
1	Toán	8			8				2	6		2	4		
	Lý	0													
	Hóa	2			2				0	2			2		
	Sinh	1			1				1			1			

	Công nghệ	0													
	Tin	1			1				1				1		
	GDTC	2			2					2			2		
	Văn	4			4				1	3		1	3		
	Sử	1			1					1			1		
	Địa	2			2				1	1		2			
	GDCD	1			1					1		1			
	Ngoại ngữ (Anh)	3			3					3			3		
	Âm nhạc	1			1					1			1		
	Mỹ thuật	1			1					1		1			
II	**Cán bộ quản lý**														
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1			
III	**Nhân viên**														
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1				1						
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	0					0								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1				1						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT[4]

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	15	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		1.02/1HS
1	Phòng học kiên cố	15	1.02/1HS
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn Tin học	1	1/1 HS
	Số phòng học bộ môn KHTN	2	1.6/1HS
	Số phòng học bộ môn Nghệ thuật	2	1/1 HS
	Số phòng học bộ môn Tiếng Anh	1	1.6/1 HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	1/1HS
7	Bình quân lớp/phòng học	15/15	1
8	Bình quân học sinh/lớp	637	42.47
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	8095	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	3500	
VI	**Tổng diện tích các phòng**	948	
1	Diện tích phòng học (m^2)	588	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	318	
3	Diện tích thư viện (m^2)	42	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện		

	thể chất) (m^2)		
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	42	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	268	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	169	
1.1	Khối lớp 6	35	35/1
1.2	Khối lớp 7	78	78/1
1.3	Khối lớp 8	35	35/1
1.4	Khối lớp 9	21	21/1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	57	57/1
2.1	Khối lớp 6	12	12/1
2.2	Khối lớp 7	19	19/1
2.3	Khối lớp 8	21	21/1
2.4	Khối lớp 9	7	7/1
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	…		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	32	2HS/1bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**	31	1/1lớp
1	**Ti vi**	18	1/1
2	**Cát xét**	2	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	1	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	3	
5	**Thiết bị khác...**	9	
6	**…..**		

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	18	1/1
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...		
..	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	
XI	**Nhà ăn**	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			2		0,4

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	1				

*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC[5]

Thực hiện các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8 và khoản 3 Điều 10 của Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường THCS Thượng Sơn, xã Văn Hiến đã tổ chức triển khai công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục một cách nghiêm túc, khách quan, đúng quy trình và đúng quy định.

Nhà trường đã tiến hành rà soát, thu thập đầy đủ minh chứng; phân tích, đánh giá các tiêu chí, chỉ số theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục. Các số liệu trong báo cáo được đối sánh với kết quả của năm học liền kề trước đó nhằm đánh giá thực chất mức độ duy trì, ổn định và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Kết quả cho thấy, Trường THCS Thượng Sơn tiếp tục duy trì vững chắc các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2. Các hoạt động giáo dục và quản lý nhà trường được triển khai nền nếp; đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được khai thác hiệu quả; công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội ngày càng được tăng cường.

Trên cơ sở kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được, đồng thời chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục toàn diện học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC[6]

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025 - 2026 (kết quả năm 2024-2025)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	593	172	164	137	120
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	86.17	92.44	78.66	85.40	88.33
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	12.31	7.56	21.34	11.68	7.50
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1.35	0	0	2.92	3.33
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.17	0	0	0	0.83
II	**Số học sinh chia theo học lực**	593	172	164	137	120
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18.38	13.95	16.46	25.55	19.17

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	45.53	43.02	43.90	47.45	49.17
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	35.92	43.02	39.63	27.01	30.83
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.17				0.83
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	593	172	164	137	120
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	99.17
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	9.73	Ko thi	Ko thi	12.41	6.67
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	18.38	13.95	16.46	25.55	19.17
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2.87	2.91	4.88	0.73	2.50
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**					
1	Cấp huyện	25	Ko thi	Ko thi	17	8
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	2	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	2	0	0	2	0
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	120				120
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	119				119
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18,85				18,85
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	49,18				49,18
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	31.67				31.67
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	314/279	94/78	93/71	70/67	57/63
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	3	2	0	0	1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH[7]

Thực hiện các quy định về công khai tài chính theo khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 của Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường THCS Thượng Sơn, xã Văn Hiến đã thực hiện công khai, minh bạch các nội dung thu – chi tài chính theo đúng quy định hiện hành.

Các nguồn thu của nhà trường trong năm học được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả; việc chi tiêu được thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các số liệu tài chính được tổng hợp đầy đủ, đối sánh với năm học liền kề trước đó, cho thấy tình hình tài chính của nhà trường cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động dạy học, giáo dục và quản lý nhà trường.

Công tác quản lý, sử dụng ngân sách, các khoản đóng góp theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác được thực hiện đúng nguyên tắc, có chứng từ đầy đủ, được kiểm tra, giám sát theo quy định. Qua đối sánh số liệu, một số khoản chi cho hoạt động chuyên môn, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học được sử dụng hiệu quả hơn so với năm trước.

Kết quả tài chính là cơ sở quan trọng để nhà trường tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính, góp phần duy trì ổn định hoạt động và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục trong những năm học tiếp theo.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC[8]

Trong năm học 2024–2025, Trường THCS Thượng Sơn, xã Văn Hiến đã triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trọng tâm khác theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An và Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo đúng lộ trình; chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Công tác chuyển đổi số được đẩy mạnh trong quản lý và dạy học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng học liệu số, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục.

Các hoạt động giáo dục STEM, trải nghiệm sáng tạo được tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, tạo hứng thú học tập và phát triển tư duy cho học sinh. Phong trào xây dựng trường học hạnh phúc được quan tâm triển khai; môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, kỷ cương, nề nếp tiếp tục được duy trì.

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh được tăng cường, trong đó chú trọng giáo dục giới tính, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, tư vấn tâm lý học đường; đồng thời thực hiện hiệu quả các nội dung giáo dục an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích và giáo dục pháp luật.

Việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện học sinh và thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG

Tô Thị Tơ

[1] Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.
[2] Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.
[3] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.
[4] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.
[5] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.
[6] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.
[7] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.
[8] Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.